TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2026
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Năm

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy K, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh Tây Ninh.

Bà Trần Thị Thúy K *và ông* Trần Quốc Thanh vắng M *có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy K *trình bày:* Bà K và ông T chung sống với nhau từ năm 2014, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An (đơn vị hành chính cũ) vào ngày 10 tháng 02 năm 2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Trần Quốc N, sinh ngày 03/7/2014 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/7/2016. Từ khoảng năm 2023, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng cuối năm 2022 cho đến thời điểm hiện tại.

Nay bà K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Quốc N, sinh ngày 03/7/2014 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/7/2016. Các con chung hiện đang sống chung với bà Trần Thị Thúy K.

Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông* Trần Quốc T: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc Thanh vắng M1 và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Thúy K và ông Trần Quốc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An (đơn vị hành chính cũ) vào ngày 10 tháng 02 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thúy K và ông Trần Quốc T là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với bị đơn ông Trần Quốc T có địa chỉ cư trú tại xã N, tỉnh Tây Ninh nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Xét thấy nguyên đơn bà Trần Thị Thúy K và bị đơn ông Trần Quốc Thanh vắng M có văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà K xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà K nhưng ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông T không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn đoàn tụ với bà K. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà K về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung:

Bà K và ông T có 02 con chung tên Trần Quốc N, sinh ngày 03/7/2014 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/7/2016, hiện tại các con chung do bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện, bà K yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy bà K là người đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con chung, tránh thay đổi môi trường sống nên cần giữ nguyên việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung như hiện tại. Ngoài ra, theo văn bản ý kiến của các con chung có mong muốn sống với mẹ; ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà K nhưng ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến, tranh chấp nuôi dưỡng các con chung.

Do đó căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Trần Quốc N, sinh ngày 03/7/2014 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/7/2016 là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy K phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quốc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy K đối với ông Trần Quốc T.

1.1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thúy K ly hôn ông Trần Quốc T.

1.2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Trần Quốc N, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016 cho bà Trần Thị Thúy K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các con chung hiện đang chung sống với bà Trần Thị Thúy K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thúy K có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011016 ngày 06 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thúy K và ông Trần Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Tây Ninh;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng